TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN V** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 21-6-2019
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông Thân Văn Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Văn Ngôn

2. Ông Hoàng Văn Tấn

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Ng Minh-Thư ký Toà án nhân dân huyện V.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Ông Phạm Văn Công- Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 115/2019/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2019/QĐXX- ST, ngày 04 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Bùi Văn Ng, sinh năm 1989 (có mặt)

Nơi cư trú: Đội 5, xã Kh, huyện Th, tỉnh Phú Thọ

- *Bị đơn:* Chị Thân Thị M, sinh năm 1991(vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn Ph, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 26/02/2019 và các lời khai có trong hồ sơ vụ án, cũng như tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn là anh Bùi Văn Ng trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Thân Thị M đăng ký kết hôn vào ngày 21/10/2016 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Việc kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn anh và chị M sống chung cùng gia đình chị M. Vợ chồng sống chung được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân xuất phát từ mối quan hệ giữa anh và gia đình chị M làm ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng. Gia đình chị M yêu cầu anh đưa hết tiền lương nhưng anh không đồng ý, dẫn đến cãi nhau. Giữa anh và em trai chị M đã từng đánh nhau. Khoảng tháng 6/2017, bố chị M đã đuổi anh ra khỏi nhà. Anh đã bỏ về quê sống cùng bố mẹ anh từ đó đến nay. Cũng trong tháng 06 chị M có về quê nhà anh ăn giỗ, anh đã nói chuyện với chị M vì muốn chị M chuyển về sống cùng anh nhưng

chị M không đồng ý. Sau đó anh nhiều lần về nhà chị M nhưng bố chị M không cho anh vào nhà thăm vợ, con. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn và cả 02 đều không muốn sống chung cùng nhau nên anh xin được ly hôn với chị M.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Bùi Trà M, sinh ngày 16/01/2017. Hiện con chung do chị M trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn anh đề nghị giao con chung cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng.

Ngoài yêu cầu xin ly hôn và con chung thì anh Ng không còn yêu cầu nào khác. Tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn là chị Thân Thị M có lời khai trình bày trong hồ sơ như sau: Chị và anh Ng kết hôn trên cơ sở tự nguyện không bị lừa dối ép buộc. Về nguyên nhân mâu thuẫn đúng như anh Ng trình bày. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 6 năm 2017 đến nay. Từ khi ly thân anh Ng không hề quan tâm đến mẹ con chị. Nay chị xác định tình cảm giữa chị và anh Ng không còn. Chị đồng ý ly hôn với anh Ng.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Bùi Trà M, sinh ngày 16/01/2017. Hiện con chung do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị xin được nuôi con chung, chị không yêu cầu anh Ng phải cấp dưỡng nuôi con.

Do chị bận công việc nên chị không đến Tòa án để tham gia phiên tòa được và chị đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị. Ngoài ra chị M không đề nghị Tòa án giải quyết bất kỳ vấn đề nào khác.

Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân thủ pháp luật: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử chấp hành đúng quy định của pháp luật; nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 28, 35, 39, 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH, xử:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị xử cho anh Bùi Văn Ng được ly hôn chị Thân Thị M.

Về con chung: Giao cho chị Thân Thị M được nuôi dưỡng con chung là Bùi Trà M1, sinh ngày 16/01/2017. Các bên không có yêu cầu về cấp dưỡng, đề nghị không xem xét, giải quyết về cấp dưỡng.

Án phí: Anh Bùi Văn Ng phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Đề nghị tuyên quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ và thẩm tra các chứng cứ tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Anh Ng khởi kiện xin ly hôn chị M và xin giải quyết về con chung. Bị đơn hiện cư trú trên địa bàn huyện Việt Yên. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 và khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Việt Yên.

[1.2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là chị Thân Thị M có đơn đề nghị hòa giải và xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Văn Ng và chị Thân Thị M đã đăng ký kết hôn vào ngày 21/10/2016 tại Ủy ban nhân dân xã Tăng Tiến, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang. Việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, phù hợp với quy định pháp luật. Do đó quan hệ hôn nhân giữa anh Ng và chị M là hoàn toàn hợp pháp.

Về tình trạng hôn nhân, Hội đồng xét xử xét thấy rằng: Cả 02 bên đương sự đều thừa nhận về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng xuất phát từ mối quan hệ giữa anh Ng và gia đình chị M làm ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng. Đã có lần anh Ng và em trai chị M xảy ra việc đánh nhau. Bố chị M là người đã đuổi anh Ng ra khỏi nhà. Do mâu thuẫn trầm trọng vợ chồng ly thân từ tháng 6 năm 2017 đến nay. Hiện vợ chồng không còn tình cảm cuộc sống chung không thể kéo dài. Như vậy giữa anh Ng và chị M không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo Điều 19, 21 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Từ những phân tích trên, căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình và Điều 8 Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về căn cứ cho ly hôn thì thấy rằng tình trạng của vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử thấy rằng cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn xử cho anh Bùi Văn Ng được ly hôn chị Thân Thị M là phù hợp.

[2.2]Về con chung: Cả anh Ng và chị M đều có yêu cầu giao con chung là Bùi Trà M1 cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng. Các bên đều không đề nghị xem xét, giải quyết về việc cấp dưỡng. Hội đồng xét xử thấy rằng chị M có đủ điều kiện để nuôi con, yêu cầu của các bên về con chung là phù hợp cần được chấp nhận. Do đó cần giao cho chị M được nuôi dưỡng con chung là Bùi Trà M sinh ngày 16/01/2017 là phù hợp với quy định tại điều 81, 82, 83 luật hôn nhân gia đình. Chị M không yêu cầu anh Ng cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án, anh Bùi Văn Ng chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

- Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Bùi Văn Ng được ly hôn với chị Thân Thị M.

2. Về con chung: Giao cho chị Thân Thị M được nuôi dưỡng con chung là Bùi Trà M1 sinh ngày 16/01/2017.

Anh Bùi Văn Ng có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở anh Ng thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Anh Bùi Văn Ng phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số AA/2012/05339 ngày 28/3/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Việt Yên. Xác nhận anh Ng đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hợp lệ.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Văn Ngôn **Hoàng Văn Tấn** **Thân Văn Hiếu**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Việt Yên;
- Chi cục THADS huyện Việt Yên;
- UBND xã Tăng Tiến;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Thân Văn Hiếu